

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2020
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngung

2. Bà Trần Thị Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Tấn E, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Tấn E tự tìm hiểu nhau một thời gian và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30 tháng 01 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tấn E thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Tấn E vẫn không thay đổi. Chị và anh Tấn E chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Tấn E không có gặp nhau để hòa giải hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Thái Tấn E.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Thái Tấn E.

Về con chung: Chị và anh Tấn E có một con chung tên là Thái Quốc T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2013. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị tại ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và chị không yêu cầu anh Tấn E phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Tấn E tự thỏa thuận giải quyết. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Thái Tấn E đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tấn E không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T và việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Thái Tấn E đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tấn E theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Thái Tấn E.

Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu T cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tấn E

cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh Tấn E không phải chịu án phí

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn anh Thái Tấn E có địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Tấn E trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013 nên hôn nhân của chị T và anh Tấn E là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo chị T mâu thuẫn phát sinh là do anh Tấn E thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Tấn E vẫn không thay đổi. Quá trình xác minh cho thấy, việc anh Tấn E thường xuyên cờ bạc là có, hiện tại cả hai anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tấn E

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tấn E thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc vợ con, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ ngày ly thân đến nay, chị T và anh Tấn E không có giải pháp đoàn tụ, tiếp tục cuộc hôn nhân này. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Tấn E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

[3] Về con chung: Chị T và anh Tấn E xác định có một con chung tên Thái Quốc T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2013. Từ ngày ly thân cháu T sống với chị T. Xuất phát từ lợi ích của cháu T nên việc giao cháu T cho chị T tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Mặt khác, Cháu T đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu T có nguyện vọng mong muốn được sống với chị T. Xuất phát từ lợi ích của cháu T nên việc giao cháu T cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tấn E cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thái Tấn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh Tấn E không yêu cầu nên Tòa án không xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị T và anh Tấn E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Cẩm T đối với anh Thái Tấn E

Chị Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với anh Thái Tấn E

2. Về con chung: Giao cháu Thái Quốc T, sinh ngày 17- 3- 2013 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tấn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Tấn E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022227 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Thái Tấn E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Chị T, anh Tấn E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Tâm

